

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 327/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27-12-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Kiều Chinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 553/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 367/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Quách Thị Cẩm T, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Quách Thị Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2024, bà và ông Nguyễn Văn T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân rất hạnh phúc nhưng thời gian sau dần xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông T1. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Kim N sinh ngày 01/7/2004 hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Quách Thị Cẩm T. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Kim N sinh ngày 01/7/2004 hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Quách Thị Cẩm T và ông Nguyễn Văn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Quách Thị Cẩm T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 14/5/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1 do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, trầm trọng đến mức không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Ông T1 có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với bà T. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông T1.

[3] Về con chung: Bà T và ông T1 có 01 con chung tên Nguyễn Kim N sinh ngày 01/7/2004 hiện nay đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Quách Thị Cẩm T và ông Nguyễn Văn T1.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Bà Quách Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 75.000 đồng. Bà T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002226 ngày 27/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau được được đối trừ. Bà T được nhận lại 225.000 (hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà T, ông T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hồng Ý